TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48 /2021/DS-PT
Ngày: 22 - 3 - 2021
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Thẩm phán: Bà **Sơn Nữ Phà Ca**

Ông **Đặng Văn Lộc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Yến** - Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long*:** Bà **Lê Thị Hồng Vân**- Kiểm sát viên tham gia phiên toà

Ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265 /2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp *Thừa kế tài sản.*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2021/QĐPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Tấn D**, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp M, xã Ch, huyện M, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn

2.1. **Lê Thị Hồng C**, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp Tân An A, xã Ch, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Hồng C: Chị **Nguyễn Thị Thanh Mỹ**, sinh năm 1976. Địa chỉ: số 67/31F, Phó Cơ Điều, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ngày 01/10/2020)

2.2. Bà **Lê Thị Hồng L**, sinh năm 1954

Địa chỉ: số 197B,Tr, Phường d, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2.3. Bà **Lê Thị Bé C1**, sinh năm 1957

Địa chỉ: ấp M, xã Ch, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2.4. Bà **Lê Thị Bé T**, sinh năm 1959

Địa chỉ: ấp C, xã Tr, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2.5. Chị **Lê Ngọc Tuyết**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 176A/13 khóm d, thị trấn L, huyện H, tỉnh Vĩnh Long

2.6. Anh **Nguyễn Hoàng Ng**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 99 đường V, Phường a, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Bé C1, bà Lê Thị Bé T , bà Lê Thị Hồng L, bà Lê Ngọc Tuyết, anh Nguyễn Hoàng Ng: anh **Lê Tấn Phát**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp Tân Mỹ A (nay là ấp M), xã Ch, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở: số 66, đường 3/2, khóm d, thị trấn M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ngày 28/12/2019)

2.7. Ông **Lê Tấn H**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn L, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

2.8. Bà **Lê Thị Bé E**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn L, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

2.9. Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1947

2.10. Anh **Lê Thanh T**, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: ấp M, xã Ch, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2.11. Chị **Lê Kim Ph**, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp Ng, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2.12. Chị **Lê Kim L**, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp M, xã Ch, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2.13. Anh **Lê Thanh G**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp M, xã Ch, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn **Lê Tấn D** và bị đơn **Lê Thị Hồng C**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Tấn D trình bày:

Cha mẹ của nguyên đơn là cụ Lê Trung H (là liệt sĩ, hy sinh năm 1966) và cụ Đỗ Thị G (chết ngày 25/12/2015) có 08 người con gồm: (1) ông Lê Thanh Q (sinh năm 1945,chết năm 2018) có vợ là bà Nguyễn Thị Th, các con là Lê Kim Ph, Lê Kim L, Lê Thanh G và Lê Thanh T; (2) bà Lê Thị Hồng C, sinh năm 1953; (3) bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1954; (4) bà Lê Thị Bé C1, sinh năm 1957; (5) bà Lê Thị Bé T, sinh năm 1959; (6) bà Lê Thị Bé E, sinh năm 1962 (mẹ ruột anh Nguyễn Hoàng Ng); (7) ông Lê Tấn H, sinh năm 1963; (8) ông Lê Tấn D, sinh năm 1966.

Theo bản án số 14/2015 /DSST ngày 10 /11/2015 của Tòa án nhân dân huyện M, ông D phải trả cho mẹ ruột là cụ Đỗ Thị G số tiền 771.876.000đồng nhưng ông chưa thi hành thì ngày 25/12/2015, cụ G chết.

Sau khi cụ G chết, các chị và cháu của ông D là Lê Thị Hồng L, Lê Thị Bé C1, Lê Thị Bé T, Lê Ngọc Tuyết, Nguyễn Hoàng Ng dựa vào di chúc ngày 31/7/2013 do cụ G lập, không thông qua hàng thừa kế thứ nhất của cụ G mà tự ý lập văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 22/6/2018, để phân chia số tiền mà ông D phải thi hành án cho cụ G và yêu cầu cơ quan thi hành án buộc ông D phải thi hành.

Việc làm của các đương sự nêu trên, ông D không đồng ý vì di chúc ngày 31/7/2013 không hợp pháp do khi lập di chúc, cụ G cho QSD đất không phải cho tiền. Văn bản phân chia tài sản thừa kế cũng không hợp pháp vì không đúng với hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật.

Do vậy, ông Lê Tấn D khởi kiện yêu cầu Tòa án xử vô hiệu tờ phân chia di sản thừa kế ngày 22/6/2018 và chia thừa kế tài sản của cụ Đỗ Thị G theo pháp luật. Ông D yêu cầu được chia 150.000.000 đồng. Phần tiền còn lại 621.876.000đ, ông D đề nghị chia làm 07 phần bằng nhau. Tại phiên hòa giải, ông D yêu cầu chia 150.000.000 đồng trong phần tiền phải thi hành án cho cụ G vì ông là út phải thờ cúng. Phần còn lại, ông D đồng ý tiếp tục thi hành án cho hàng thừa kế của cụ G để tự phân chia.

Tại đơn khởi kiện về việc yêu cầu phản tố ngày 10/01/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn là bà Lê Thị Bé T, bà Lê Thị Bé C1, bà Lê Thị Hồng L, chị Lê Ngọc Tuyết, anh Nguyễn Hoàng Ng và người đại diện theo ủy quyền là anh Lê Tấn Phát trình bày:

Thống nhất về quan hệ thừa kế, hàng thừa kế như lời trình bày của nguyên đơn nhưng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D. Yêu cầu Tòa án công nhận di chúc ngày 31/07/2013 của cụ G là hợp pháp. Chia thừa kế theo di chúc cho bà Lê Thị Bé C1 số tiền 236.606.000đ; bà Lê Thị Bé T, bà Lê Thị Hồng L, chị Lê Ngọc Tuyết, anh Nguyễn Hoàng Ng, mỗi người số nhận số tiền 139.730.000đ. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đỗ Thị G tiếp tục thực hiện theo di chúc do cụ G lập ngày 31/7/2013, thể hiện ý chí của cụ G cho phần tài sản mà cụ G đang tranh chấp với ông Lê Tấn D cho 05 người thừa kế theo di chúc là bà Lê Thị Bé C1, bà Lê Thị Bé T, bà Lê Thị Hồng L, chị Lê Ngọc Tuyết, anh Nguyễn Hoàng Ng và buộc ông D giao di sản của cụ G chết để lại bằng hình thức thi hành án số tiền cụ G được Tòa án giải quyết, giao số tiền này cho 05 người thừa kế theo di chúc ngày 31/7/2013 để tự phân chia.

Các đương sự thống nhất chấm dứt văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế xác lập ngày 22/6/2018 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Tại bản khai, biên bản ghi lời khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn không có yêu cầu phản tố trình bày:

Người thừa kế của ông Lê Thanh Quang (chết năm 2018) có vợ là Nguyễn Thị Th, các con là Lê Kim Ph, Lê Kim L, Lê Thanh G và Lê Thanh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Nếu Tòa án chấp nhận

yêu cầu của ông D chia thừa kế theo pháp luật thì hàng thừa kế của ông Quang yêu cầu dành cho ông Quang một suất thừa kế. Nếu Tòa án chấp nhận chia thừa kế theo di chúc của cụ G để lại thì hàng thừa kế ông Quang cũng không yêu cầu gì trong vụ án này.

Bà Lê Thị Hồng C trình bày: Thống nhất quan hệ và hàng thừa kế của cụ Đỗ Thị G. Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và không có yêu cầu phản tố. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu Tòa án giải quyết cho nhận một phần di sản thì xin nhận, nếu không được chia thì bà C cũng không có yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng: Điều 646, 647, 650, 652, 653, 667 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Điều 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự: Chấm dứt văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế xác lập ngày 22/6/2018 do bà Lê Thị Bé T, bà Lê Thị Bé C1, bà Lê Thị Hồng L, chị Lê Ngọc Tuyết, anh Nguyễn Hoàng Ng xác lập và chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn D về việc yêu cầu chia thừa kế số tiền 150.000.000 đồng phần di sản của cụ Đỗ Thị G chết để lại.

3. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản của bị đơn bà Lê Thị Bé T, bà Lê Thị Bé C1, bà Lê Thị Hồng L, chị Lê Ngọc Tuyết, anh Nguyễn Hoàng Ng (Đại diện hợp pháp là ông Lê Tấn Phát)

Công nhận di chúc do cụ Đỗ Thị G lập ngày 31/7/2013 là hợp pháp.

Chia thừa kế theo di chúc phần di sản do cụ Đỗ Thị G chết để lại cho bà Lê Thị Bé T, bà Lê Thị Bé C1, bà Lê Thị Hồng L, chị Lê Ngọc Tuyết, anh Nguyễn Hoàng Ng (Đại diện hợp pháp là ông Lê Tấn Phát) số tiền 771.876.000 đồng hiện nay đang được Chi cục Thi hành án dân sự huyện M thi hành án huyện M thi hành theo quyết định thi hành án số 11/QĐ-CCTHA, ngày 10/10/2018 (Các đương sự có quyền, nghĩa vụ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiếp tục thi hành khoản tiền nêu trên và quyền về tài sản (lãi chậm thi hành án) được Quyết định trong bản án số 14/2015/DSST, ngày 10/11/2015 đang được cơ quan thi hành án huyện M thi hành theo quyết định thi hành án số 11/QĐ-CCTHA, ngày 10/10/2018).

4.Về án phí: Buộc bà Lê Thị Bé T, bà Lê Thị Bé C1, bà Lê Thị Hồng L, chị Lê Ngọc Tuyết, anh Nguyễn Hoàng Ng nộp 34.875.000 đồng (Ba mươi bốn triệu tám

trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) mỗi người nộp 6.975.000 đồng. bà Lê Thị Bé T, bà Lê Thị Bé C1, bà Lê Thị Hồng L được miễn toàn bộ tiền án phí vì là người cao tuổi. Anh Nguyễn Hoàng Ng được khấu trừ vào số tiền 3.493.000 đồng tạm ứng án phí theo lai thu số 0007439, ngày 18/02/2020; chị Lê Ngọc Tuyết được khấu trừ vào số tiền 3.493.000 đồng tạm ứng án phí theo lai thu số 0007440, ngày 18/02/2020 tại cơ quan thi hành án dân sự huyện M. Anh Ngân, chị Tuyết mỗi người phải nộp thêm 3.482.000 đồng (Ba triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn đồng).

Ông Lê Tấn D không phải chịu án phí nên hoàn trả ông D số tiền 3.750.000 đồng theo lai thu số 0007343, ngày 11/12/2019 tiền tạm ứng án phí nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại đơn kháng cáo ngày 30 tháng 9 năm 2020 và tờ tường trình ngày 12 tháng 01 năm 2021, bị đơn là bà Lê Thị Hồng C trình bày: Khi Tòa án mời làm việc, bà có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu hủy di chúc nhưng không được xem xét giải quyết. Do vậy, bà C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết tuyên vô hiệu tờ di chúc ngày 31/7/2013 và chia thừa kế theo pháp luật số tiền 771.876.000đ cho tất cả các con của cụ G làm 08 phần, mỗi người được nhận 96.484.000đ.

Tại đơn kháng cáo ngày 01 tháng 10 năm 2020 và bản trình bày ý kiến ngày 18 tháng 01 năm 2021, nguyên đơn là ông Lê Tấn D trình bày: Không đồng ý với bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tuyên bố di chúc ngày 31/7/2013 của cụ G là vô hiệu. Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ G để lại số tiền 771.876.000đ cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 08 phần. Ông D là con út trong nhà, là người thờ cúng ông, bà, cha, anh nên xin hưởng một phần thờ cúng, số tiền xin được hưởng là 150.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Lê Tấn D trình bày: Ông D đã nộp đủ số tiền 771.876.000đ theo nghĩa vụ phải thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M và thừa nhận đây là di sản của cụ G. Phần đất ông D được công nhận sau khi thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho cụ G đã được ông D chuyển nhượng với giá 2,4 tỷ đồng. Đối với yêu cầu kháng cáo, ông D xin rút một phần yêu cầu chia thừa kế, chỉ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thành 08 phần bằng nhau, ông D yêu cầu được chia 96.484.000đ và nếu được chia, ông D không nhận mà giao lại cho bà Lê Thị Hồng C vì hoàn cảnh bà C quá khó khăn. Đồng thời, ông D xin rút yêu cầu về tiền thờ cúng. Căn cứ kháng cáo là tại thời điểm lập di chúc, cụ G bị bệnh nặng, hai nhân chứng là người không có thật, cụ G không có tài sản khi lập di chúc vì phần đất theo di chúc do ông D đứng tên quyền sử dụng đất. Tòa án xét xử không buộc ông D phải trả đất mà trả tiền nên nội dung di chúc về việc chia đất là vô hiệu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Hồng C trình bày: Bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật số tiền 96.484.000đ vì di chúc ngày 31/7/2013 là không hợp pháp do người làm chứng không đủ khách quan và do bà Cính bà Lan, lợi dụng việc đang chung sống đã đưa cụ G đi lập di chúc.

Bà Lê Thị Hồng L và người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn có yêu cầu phản tố trình bày: Vẫn giữ yêu cầu phản tố về việc chia thừa kế theo di chúc. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì di chúc là hợp pháp do lúc lập di chúc, cụ G đã được giám định sức khỏe đảm bảo, có sự chứng kiến của người làm chứng và được công chứng hợp lệ.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất và không thống nhất các vấn đề như sau:

Vấn đề thống nhất: Quan hệ thừa kế, hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế, di sản, người quản lý di sản như án sơ thẩm đã nêu. Đồng thời xác định Bản án 14/2015/DS-ST ngày 10/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện M buộc ông D và vợ là bà Nguyễn Thị Mỹ Nương phải trả cho cụ Đỗ Thị G số tiền 771.876.000đồng, số tiền này chính là di sản thừa kế của cụ G đã được ông D nộp đủ tại cơ quan thi hành án.

Vấn đề không thống nhất: Về diện thừa kế, ông D, bà C yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Các bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu chia thừa kế theo di chúc. Các đương sự không thống nhất về tính hợp pháp của di chúc ngày 31/7/2013 và việc quy đổi di sản là quyền sử dụng đất thành tiền cũng như việc kế thừa quyền yêu cầu thi hành án của cụ Đỗ Thị G.

Đại diên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Lê Thị Hồng L không chấp hành đúng quy định về hỏi đáp. Nguyên đơn Lê Tấn D có thái độ, cử chỉ không phù hợp, vi phạm nội quy phiên tòa bị Chủ tọa nhắc nhở là đúng. Các đương sự và người tham gia tố tụng khác chấp hành đúng quy định.

Về tố tụng, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của người kháng cáo và tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Di chúc của cụ Đỗ Thị G thể hiện đầy đủ ý chí của cụ G và hợp pháp theo Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005. Căn cứ Điều 636, 667 Bộ luật dân sự năm 2005, di chúc có hiệu lực nên người thừa kế theo di chúc có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiếp tục thi hành án. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là ông Lê Tấn D và bị đơn bà Lê Thị Hồng C yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS 2015, đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về nộp dung như sau:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 299 và điểm c khoản 1 Điều 289; khoản 1 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hủy, đình chỉ một phần bản án sơ thẩm; đình chỉ xét xử phúc thẩm về nội dung rút một phần khởi kiện và một phần kháng cáo đối với yêu cầu đòi chia thừa kế số tiền thờ cúng 54 triệu đồng.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tấn D và bà Lê Thị Hồng C về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật với số tiền mỗi kỷ phần thừa kế là 96 triệu đồng.

Ngoài ra, vị kiểm sát viên còn đề nghị về các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành và do sửa án nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Tấn D và bà Lê Thị Hồng C đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là bà Lê Thị Bé E, ông Lê Tấn H và người thừa kế của ông Lê Thanh Quang vắng mặt. Các bị đơn Lê Thị Bé T, Lê Ngọc Tuyết, Nguyễn Hoàng Ng vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng. Các đương sự vắng mặt đều không có kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Lê Tấn D thay đổi số tiền yêu cầu chia thừa kế từ 150.000.000đ còn theo phần bằng nhau là 96.484.500đ và rút yêu cầu đối với số tiền thờ cúng là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo nên chấp nhận việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông D theo quy định tại khoản 3 Điều 298 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ thừa kế, hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế, di sản thừa kế. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm giữ nguyên nội dung này của bản án sơ thẩm.

[2.2] Về nội dung kháng cáo của ông Lê Tấn D và bà Lê Thị Hồng C yêu cầu xem xét tính hợp pháp của di chúc ngày 31/7/2013 của cụ Đỗ Thị G. Xét thấy, tại thời điểm lập di chúc, cụ Đỗ Thị G đã được chứng nhận đảm bảo sức khỏe theo Giấy khám sức khỏe số 153/GĐYK ngày 06/6/2013 của Phòng giám định y tỉnh Vĩnh Long và cụ G cũng đã thể hiện rõ ý *chí "Đây là nguyện vọng của tôi lúc còn sống, vì thế sau khi tôi qua đời những người thừa kế theo pháp luật của tôi phải ý lời thực hiện, không ai được tranh chấp tài sản gây mất tình đoàn kết gia đình"*. Di chúc có hai người đủ điều kiện làm chứng xác nhận việc cụ G lập di chúc là tự nguyện. Do vậy, xác định di

chúc được lập thỏa điều kiện của di chúc bằng văn bản có công chứng theo quy định của Bộ luật dân sự tại thời điểm lập di chúc như cấp sơ thẩm đã nêu. Người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh tại thời điểm lập di chúc, cụ G bị hạn chế năng lực chủ thể theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật do bị bệnh, là lý do của việc yêu cầu xác định di chúc vô hiệu nên không có căn cứ để xem xét.

[2.3] Về nội dung kháng cáo của ông D, bà C cho rằng cụ G chỉ chia thừa kế quyền sử dụng đất chứ không phải chia bằng tiền như bản án sơ thẩm đã xét xử. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, tại di chúc ngày 31/7/2013 thể hiện rõ *"Di chúc chỉ có hiệu lực khi bà Đỗ Thị G được cơ quan có thẩm quyền xác định tài sản để lại theo di chúc thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Đỗ Thị G"*. Tại bản án sơ thẩm số 14/2015/DS-ST ngày 10/11/2015, Tòa án nhân dân huyện M đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ G về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho, buộc ông D và vợ trả lại quyền sử dụng đất. Tuy ông D không đồng ý có kháng cáo nhưng tại Quyết định số 08/2016/DSPT ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã đình chỉ xét xử phúc thẩm do ông D vắng mặt lần hai không lý do, bản án sơ thẩm có hiệu lực nên thỏa điều kiện có hiệu lực đã được xác định tại di chúc. Về di sản không phải là quyền sử dụng đất như nội dung di chúc thể hiện là do Tòa án xác định cụ G "*không có khả năng trực tiếp canh tác đất"* nên giải quyết cho cụ G được nhận giá trị bằng tiền. Việc này không làm thay đổi bản chất của việc định đoạt di sản của cụ G vì vẫn đảm bảo điều kiện về tài sản hợp pháp của người để lại di sản thừa kế và có lợi cho ông D do vẫn được tiếp tục canh tác, hưởng hoa lợi và giá trị tăng thêm của quyền sử dụng đất. Vì vậy, lý do kháng cáo của ông D, bà C là không được chấp nhận.

[2.4] Về nội dung kháng cáo của ông Lê Tấn D yêu cầu nhận tiền thờ cúng khi chia di sản thừa kế. Trong giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông D không nêu được căn cứ tính tiền thờ cúng và chi phí thực tế cho việc thờ cúng. Những người được hưởng thừa kế không đồng ý và ông D cũng đã rút yêu cầu đối với nội dung kháng cáo về tiền thờ cúng nên không đặt ra giải quyết. Cấp sơ thẩm cũng chưa quyết định về nội dung này nên không cần thiết phải hủy, đình chỉ một phần án sơ thẩm như nhận định của vị đại diện Viện kiểm sát.

[2.5] Về nội dung kháng cáo của bà Lê Thị Hồng C yêu cầu nhận thừa kế theo pháp luật số tiền 96.484.500 đồng. Trong giai đoạn sơ thẩm, tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 04/3/2020 (BL 111), biên bản công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/3/2020 (BL 83) cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm (BL 145), bà C đều trình bày không có yêu cầu gì trong vụ án, nếu được chia thừa kế thì nhận, nếu không được chia thì cũng không có yêu cầu gì. Điều này thể hiện, bà C không có yêu cầu chia và nhận thừa kế như nội dung kháng cáo đã nêu.

[3]Về vấn đề cần phải xem xét không phụ thuộc vào nội dung kháng cáo.

[3.1] Về việc xác định kỷ phần và tỷ lệ kỷ phần được chia

Tại di chúc ngày 31/7/2013, cụ G xác định *"Nếu được cơ quan có thẩm quyền xét xử trả lại quyền sử dụng đất 5.570 m^2 thì diện tích đất này chia như sau: Con gái*

Lê Thị Bé T 1.000m^2; con gái Lê Thị Bé C1 1.570m^2; con gái Lê Thị Hồng L 1.000m^2; cháu nội Lê Ngọc Tuyết 1.000m^2; cháu ngoại Nguyễn Hoàng Ng 1.000m^2.

Nếu cơ quan có thẩm quyền xử Lê Tấn D trả lại diện tích đất ít hơn 5570,0m^2 thì diện tích đất này được chia cho các con cháu được tôi cho tài sản nêu trên theo tỷ lệ tương đương phần diện tích mà các con cháu được hưởng".

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có tên trong di chúc và người đại diện xác định tỷ lệ di sản theo nội dung trên của di chúc là di sản được chia thành 5,5 kỷ phần, bà Lê Thị Bé C1 được nhận 1,5 kỷ phần; các đương sự còn lại mỗi người nhận 1,0 kỷ phần. Tòa án đã giải thích về việc xác định kỷ phần trong việc chia thừa kế theo di chúc để việc thi hành án được đảm bảo nhưng các đương sự vẫn không có yêu cầu mà để cùng yêu cầu chung tại cơ quan thi hành án nên Tòa án công nhận quyền tự định đoạt của đương sự.

[3.2] Về quyết định của án sơ thẩm tại mục 3. *Chia thừa kế theo di chúc phần di sản do cụ Đỗ Thị G chết để lại cho bà Lê Thị Bé T, bà Lê Thị Bé C1, bà Lê Thị Hồng L, chị Lê Ngọc Tuyết, anh Nguyễn Hoàng Ng (Đại diện hợp pháp là ông Lê Tấn Phát) số tiền 771.876.000 đồng hiện nay đang được Chi cục Thi hành án dân sự huyện M thi hành án huyện M thi hành theo quyết định thi hành án số 11/QĐ-CCTHA, ngày 10/10/2018 (Các đương sự có quyền, nghĩa vụ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiếp tục thi hành khoản tiền nêu trên và quyền về tài sản (lãi chậm thi hành án) được Quyết định trong bản án số 14/2015/DSST, ngày 10/11/2015 đang được cơ quan thi hành án huyện M thi hành theo quyết định thi hành án số 11/QĐ-CCTHA, ngày 10/10/2018).*

Xét thấy việc nêu tên đại điện là ông Lê Tấn Phát như trên là nhầm lẫn giữa người đại diện tham gia tố tụng với người đại diện khi thi hành án làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự nên phải điều chỉnh cho phù hợp.

Đồng thời, tại Quyết định số 07/QĐ-CCTHADS ngày 11/9/2019 về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã thể hiện ngoài Quyết định thi hành án số 11/QĐ-CCTHA ngày 10/10/2018 còn có Quyết định sửa đổi bổ sung số 01/QĐ-CCTHADS ngày 25/10/2018 và Quyết định số 67/QĐ-CCTHADS ngày 20/11/2018, lẽ ra cấp sơ thẩm cần yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện M xác định việc quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu như trên có đảm bảo theo quy định của Luật thi hành án hay không cũng như làm rõ kết quả của việc thi hành án trước khi quyết định có tiếp tục thì hành án theo Quyết định số 11/QĐ-CCTHA ngày 10/10/2018. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều xác định ông D đã nộp đủ số tiền 771.876.000 đồng theo nghĩa vụ phải trả cho cụ G nên chỉ cần quyết định về quyền yêu cầu được thi hành án của người được thừa kế theo di chúc do được kế thừa quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án.

[3.3] Ngòai ra, án sơ thẩm không nêu nhận định và quyết định về việc chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn nên cấp phúc thẩm bổ sung làm rõ.

[4] Về án phí sơ thẩm và các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không đặt ra giải quyết và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Tấn D và bà Lê Thị Hồng C phải nộp án phí theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà C thuộc diện người cao tuổi nên được miễn toàn bộ theo quy định tại tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tấn D và bà Lê Thị Hồng C như nhận định của đại diện Viện kiểm sát và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của ông Lê Tấn D và bà Lê Thị Hồng C. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 28/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng: Điều 646, 647, 650, 652, 653, 667 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự: Chấm dứt văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế xác lập ngày 22/6/2018 do bà Lê Thị Bé T, bà Lê Thị Bé C1, bà Lê Thị Hồng L, chị Lê Ngọc Tuyết, anh Nguyễn Hoàng Ng xác lập và chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn D về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật số tiền 150.000.000 đồng (thay đổi tại phiên tòa phúc thẩm còn 96.484.500 đồng) phần di sản của cụ Đỗ Thị G chết để lại.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn: bà Lê Thị Bé T, bà Lê Thị Bé C1, bà Lê Thị Hồng L, chị Lê Ngọc Tuyết, anh Nguyễn Hoàng Ng.

Công nhận di chúc do cụ Đỗ Thị G lập ngày 31/7/2013 là hợp pháp.

Chia thừa kế theo di chúc cho bà Lê Thị Bé T, bà Lê Thị Bé C1, bà Lê Thị Hồng L, chị Lê Ngọc Tuyết, anh Nguyễn Hoàng Ng số tiền 771.876.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) do cụ Đỗ Thị G được nhận theo bản án số 14/2015/DSST ngày 10/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người được chia thừa kế được kế thừa quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án và có quyền yêu cầu thi hành bản án số 14/2015/DSST ngày 10/11/2015 của Tòa án

nhân dân huyện M, hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M đang thụ lý việc thi hành án.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Lê Tấn D phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* và được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0003090 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Miễn án phí phúc thẩm cho bà Lê Thị Hồng C do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Triệu Hữu

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM: 01;
- Chánh án: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- TAND H.M: 01;
- VKSND H.M: 01;
- Chi cục THADS H.M: 01;
- Đương sự: 14;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.